

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24-5-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Văn Lộc.

Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 877/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985; Cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt)

Bị đơn: Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1983; Cư trú tại: Ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2018 lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Trần Thị Kim T chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 12/3/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn: Nguyên nhân: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì Chị T bỏ đi, Chị T đã bỏ nhà đi nhiều lần, lần cuối là vào năm 2013 đến nay, anh và Chị T ly thân từ năm 2013. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn với Chị T.

Về con chung: Anh và Chị T chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/8/2009, từ ngày bỏ nhà đi thì Chị T dẫn con theo và không cho anh gặp mặt. Anh đồng ý giao cháu T cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Chị Trần Thị Kim T đến để giải quyết vụ án nhưng Chị T đều vắng mặt không rõ lý do nên không có ý kiến của chị.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận cho Anh H và Chị T được ly hôn. Về con chung: Ghi nhận Anh H đồng ý giao con chung cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng, Anh H không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Kim T là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, nguyên đơn Anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt Anh H, Chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và Chị T chung sống với nhau vào năm 2008, đến ngày 12/3/2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Về mâu thuẫn của vợ chồng: Xét thấy quá trình sống chung, Anh H và Chị T bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì Chị T bỏ đi, Chị T đã bỏ nhà đi nhiều lần, lần cuối là vào năm 2013 đến nay,

Anh H và Chị T ly thân từ năm 2013. Tòa án đã triệu tập Chị T nhiều lần nhưng Chị T không đến Tòa án để làm việc nên không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của Anh H.

[4]. Quá trình thu thập chứng cứ có xác minh ý kiến của chính quyền địa phương và những người biết việc, xác định mâu thuẫn vợ chồng như Anh H trình bày là đúng. Anh H và Chị T ly thân từ năm 2013 đến nay. Điều này vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của Anh H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh là phù hợp Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng Anh H, Chị T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/8/2009. Hiện nay, cháu T đang sống chung với Chị T. Anh H đồng ý giao con chung cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng nên ghi nhận, về phần cấp dưỡng nuôi con sẽ tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi Chị T có đơn yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Chị T không có ý kiến nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh H trình bày không có, Chị T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Do Anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chị Trần Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Văn H đối với Chị Trần Thị Kim T. Anh Nguyễn Văn H được ly hôn với Chị Trần Thị Kim T.

2. Về con chung: Ghi nhận Anh Nguyễn Văn H đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/8/2009 cho Chị Trần Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của Chị T sẽ tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi Chị T có đơn yêu cầu.

Sau khi ly hôn, Anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở Anh H thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Chị T không có ý kiến nên không đặt ra giải quyết;

5. Về nợ chung: Anh H trình bày không có, Chị T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

6. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019302 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thanh Bình